

Bản án số: 06/2018/DSPT

Ngày: 18 - 7 - 2018

V/v tranh chấp Hợp đồng bảo vệ,
giao khoán rừng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thiết Hùng;

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị: Ông Đỗ Hoàng Sâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2018/TLPT-DS ngày 29 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng bảo vệ, giao khoán rừng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DSST ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2018/QĐPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Hợp tác xã Nông nghiệp C

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn C, chủ tịch Hội đồng quản trị; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị H, địa chỉ: Khu p, p, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền ngày 12/7/2018) Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Quảng Đ

Trú tại: Thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

3. *Người làm chứng:*

+ Ông Ngô Ngọc C

Trú tại: Thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

+ Ông Ngô Viết T

Trú tại: Thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H

Trú tại: Thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

+ Ông Ngô Viết N

Trú tại: Thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Ngọc H

Trú tại: Thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

+ Ông Ngô Sỹ T

Trú tại: Thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Ngô Quảng Đ là bị đơn trong vụ án và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/12/2005, Hợp tác xã Nông nghiệp C (bên A) (viết tắt là HTX) do ông Hoàng T (thời điểm đó là chủ nhiệm HTX) đã ký kết hợp đồng với Ông Ngô Quảng Đ (bên B) với nội dung chính như sau: Trách nhiệm của bên A: HTX giao cho Ông Ngô Quảng Đ bảo vệ, trồng mới, chăm sóc rừng tái sinh của hợp tác xã có vị trí: Thuộc khu vực rừng 88 Trọt Giếng, Trọt Triều, vùng Cồn Trì, khu Lầy đất với diện tích 23.550 m² (2,355ha); cung cấp giống cây con, hướng dẫn kỹ thuật trồng mới, chăm sóc tỉa cành theo quy trình, khi cây đến tuổi khai thác thì Hợp tác xã sẽ thành lập Hội đồng thanh lý có sự tham gia của bảo vệ. Điều 2, trách nhiệm bảo vệ (bên B): Người nhận khoán có trách nhiệm trồng mới đạt tỷ lệ cây sống từ 85% trở lên, chăm sóc bảo vệ rừng tái sinh, phòng chống cháy rừng, không được tự ý khai thác, chặt cây tỉa chồi, đào gốc trồng xen hoặc để người ngoài vào khai thác lấn chiếm đất trồng xen trong khu vực được giao. Điều 3: Thời gian và chế độ thụ hưởng: Thời gian giao khoán bảo vệ theo chu kỳ sinh trưởng và phát triển của rừng kể từ ngày ký, trường hợp người nhận bảo vệ vi phạm Điều 2 của hợp đồng này gây thiệt hại thì phải bồi thường theo giá thị trường và HTX sẽ hủy hợp đồng trước thời hạn. Chế độ thụ hưởng sau khi thanh lý tổng giá trị thu được HTX hưởng 70%, người bảo vệ hưởng 30%. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía HTX đã cung cấp cây con và thanh toán chi phí trồng rừng cho Ông Ngô Quảng Đ đầy đủ, nhưng đến thời kỳ khai thác Ông Ngô Quảng Đ không thực hiện như hợp đồng đã ký kết, lấn chiếm đất và để người khác lấn chiếm toàn bộ đất. Ngày 11/12/2014, Ủy ban nhân dân xã C tổ chức phiên làm việc giữa HTX với ông Đ để giải quyết việc thanh lý hợp đồng, ông Đ hứa sẽ tiến hành thanh lý và nộp tiền cho HTX, nhưng ông Đ vẫn không thực hiện. Vì vậy, cho đến nay HTX không thể khai thác được toàn bộ cây đã được giao bảo vệ, gây thiệt hại cho HTX do cây bị người khác khai thác hết, sau đó trồng lấn vào diện tích đất đã 2 đến 3 năm tuổi, nên HTX không thể trồng lại được. Do đó, HTX khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Ngô Quảng Đ chấm dứt hợp đồng và bồi thường cho HTX số tiền 150.000.000 đồng. Đồng thời, buộc Ông Ngô Quảng Đ, ông Ngô Viết T, ông Ngô Viết N trả lại diện tích đất đã lấn chiếm.

Ngày 01/8/2017 nguyên đơn đã có văn bản rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ buộc Ông Ngô Quảng Đ bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng, rút yêu cầu buộc Ông Ngô Quảng Đ, Ngô Viết T, Ngô Viết N trả lại đất lấn chiếm.

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án sơ thẩm lập ngày 27/11/2017 thì nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 128.625.000 đồng, giá trị tính thiệt hại được xác định là 90.000.000 đồng/ha. Phần yêu cầu này đã trừ 30% giá trị cây thanh lý mà Ông Ngô Quảng Đ được hưởng theo hợp đồng giao khoán và giá trị số lượng cây 04 lần bị người ngoài vào khai thác trái phép, cụ thể: Ngày 15/02/2009 bị khai thác trái phép thiệt hại 1.750.000 đồng; ngày 25/7/2013 bị khai thác trái phép thiệt hại 1.000.000 đồng; ngày 18/01/2014 bị khai thác trái phép thiệt hại 16.000.000 đồng; ngày 19/01/2014 bị khai thác trái phép thiệt hại 9.000.000 đồng. Tổng cộng 04 lần khai thác trái phép bị thiệt hại 27.750.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 18/12/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Ông Ngô Quảng Đ bồi thường số tiền 100.000.000 đồng, trong đó đã trừ đi 30% giá trị thanh lý cây mà ông Đ được hưởng và giá trị cây 04 lần bị người ngoài vào khai thác trái phép tính theo giá trị tại thời điểm xử lý là 9.080.000 đồng.

Tại bản trình bày ý kiến, biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2017, ngày 10/7/2017, ngày 02/8/2017, ngày 11/8/2017 và tại các phiên hòa giải, bị đơn Ông Ngô Quảng Đ trình bày:

Bị đơn Ông Ngô Quảng Đ thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về việc ngày 13/12/2005 giữa ông Đ với HTX nông nghiệp C có ký hợp đồng kinh tế số 04/HTX có nội dung đúng như phần trình bày của nguyên đơn, chi phí trồng rừng và số lượng cây giống 2.700 cây ông Đ đã nhận đủ vào ngày 10/12/2005; sau khi giao kết, đã tiến hành trồng cây và tỷ lệ cây sống đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên, phía bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường số tiền 100.000.000 đồng của nguyên đơn. Ông Đ cho rằng, ông không vi phạm hợp đồng vì trước thời điểm ký hợp đồng ngày 13/12/2005, phần diện tích rừng được giao cho ông Đ bảo vệ đã có các hộ dân trồng lấn chiếm gần hết diện tích, quá trình bảo vệ ông Đ đã đề xuất với HTX giải quyết dứt điểm việc các hộ dân lấn chiếm rừng, nhưng HTX không giải quyết và không có hướng khắc phục.

Trong quá trình bảo vệ, chăm sóc khu vực rừng được giao cho ông Đ thì có 04 lần người ngoài vào khai thác trái phép, những lần đó ông Đ đều báo với HTX để xem xét, giải quyết cụ thể: Vào năm 2010 bị khai thác trái phép 50 cây trăm bạch đàn khoảng 5 năm tuổi, ông Đ đã thu giữ và bàn giao lại cho HTX; năm 2012 phát hiện ông Ngô Ngọc C khai thác trái phép khoảng 3 khối trăm, ông Đ đã báo cho HTX xử lý; năm 2013 phát hiện ông Ngô Viết N khai thác trái phép cây trăm, số lượng trăm chất đầy xe tải, ông Đ đã báo với HTX giải quyết; năm 2014 ông Ngô Viết T khai thác trái phép cây trăm, ông Đ đã báo cho HTX giải quyết.

Ông Ngô Quảng Đ cho rằng HTX không bị thiệt hại, vì ngoài 04 lần bị người ngoài vào khai thác trái phép, số cây còn lại HTX đã bán toàn bộ cho ông D ở huyện G, tỉnh Quảng Trị với số tiền 8.000.000 đồng. Kể từ khi bán rừng còn lại cho ông D, thì ông Đ không còn làm bảo vệ rừng cho HTX nữa. Việc hợp đồng đến nay chưa được thanh lý là do HTX cố tình kéo dài, nên lỗi là của HTX phải chịu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DSST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ đã áp dụng Điều 394, 521, 524, 528 của Bộ luật dân sự năm 1995;

khoản 1 Điều 147, Điều 264, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; xử:

Đinh chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã Nông nghiệp C đối với Ông Ngô Quảng Đ, ông Ngô Viết T, ông Ngô Viết N về việc trả lại đất lấn chiếm. Hợp tác xã Nông nghiệp C có quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã Nông nghiệp C: Hủy bỏ hợp đồng giao khoán và bảo vệ rừng số 04/HTX ngày 13/12/2005 được ký kết giữa Hợp tác xã Nông nghiệp C với Ông Ngô Quảng Đ. Buộc Ông Ngô Quảng Đ phải bồi thường cho Hợp tác xã Nông nghiệp C số tiền 83.242.000 đồng (tám mươi ba triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Về án phí:

Bị đơn Ông Ngô Quảng Đ phải chịu 4.162.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Hợp tác xã Nông nghiệp C phải chịu 838.000 đồng án phí DSST, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0001409 ngày 20/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lộ. Hợp tác xã Nông nghiệp C được hoàn trả số tiền 2.912.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Tại đơn kháng cáo ngày 29/3/2018, bị đơn Ông Ngô Quảng Đ kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DSST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chưa khách quan. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các tình tiết xác định lỗi của Hợp tác xã Nông nghiệp C và xét xử vụ án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Quyết định kháng nghị số 555/QĐ-VKS-DS ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã kháng nghị đối với Bản án sơ thẩm số 02/2018/DSST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ có những vi phạm trong áp dụng pháp luật, việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ dẫn đến quyết định của bản án sơ thẩm thiếu căn cứ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2018/DSST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị số 555/QĐ-VKS-DS ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị hủy bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn Ông Ngô Quảng Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 13/12/2005 Hợp tác xã Nông nghiệp C có ký hợp đồng kinh tế số 04/HTX với Ông Ngô Quảng Đ với nội dung chính như sau: Trách nhiệm của bên A: HTX giao cho Ông Ngô Quảng Đ (bên B) bảo vệ, trồng mới, chăm sóc rừng tái sinh của hợp tác xã. Tuy nhiên, khi ký hợp đồng HTX nông nghiệp C không bàn giao thực địa như xác định vị trí, ranh giới thửa đất rừng để giao cho ông Đ. Đồng thời, phần diện tích đất rừng được giao cho ông Đ trồng mới, bảo vệ đã bị các hộ dân trồng lán chiếm, mặc dù ông Đ đã đề xuất với Hợp tác xã giải quyết dứt điểm việc các hộ dân lán chiếm đất rừng, nhưng Hợp tác xã vẫn không giải quyết nên không xác định được diện tích đất mà các hộ dân lán chiếm trước khi ông Đ nhận đất trồng rừng, hay sau khi bảo vệ mới bị lán chiếm. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này mà buộc ông Đ bồi thường toàn bộ diện tích là 2,355 ha như đã ký kết trong hợp đồng là chưa có cơ sở. Quá trình bảo vệ, chăm sóc khu vực rừng được giao cho ông Đ, có 04 lần người ngoài vào khai thác trái phép, những lần đó ông Đ đều trình báo với Hợp tác xã để xem xét, xử lý và đã giao toàn bộ cây bị khai thác trái phép cho Hợp tác xã, nhưng Hợp tác xã vẫn không làm rõ và xác định số cây bị khai thác trái phép. Số cây trồng còn lại ông Đ cho rằng Hợp tác xã đã bán toàn bộ cho ông D ở huyện G, tỉnh Quảng Trị. Hiện nay, ông D đã chết chỉ có lời khai của vợ ông D trình bày có mua rừng tràm, do bị người dân cản trở không khai thác được nên đã trả lại rừng, nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét, làm rõ tại Sở theo dõi kế toán của Hợp tác xã Nông nghiệp C có hay không có việc bán rừng trên cho ông D. Vì vậy, những nội dung kháng cáo trên của Ông Ngô Quảng Đ là có cơ sở.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án là không đúng và cách tính thiệt hại làm căn cứ để xác định mức bồi thường là không có cơ sở; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Hợp tác xã Nông nghiệp C và Ông Ngô Quảng Đ ký kết hợp đồng giao khoán vào ngày 13/12/2005, là thời điểm Bộ luật dân sự năm 1995 đang có hiệu lực. Tuy nhiên, đây mới là thời điểm xác lập giao dịch dân sự giữa các bên và giao dịch này chưa được thực hiện xong trước ngày BLDS năm 2005 có hiệu lực pháp luật (BLDS năm 2005 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006), mà các bên vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng trong nhiều năm. Đến năm 2014 thì diện tích đất mà Hợp tác xã Nông nghiệp C giao cho Ông Ngô Quảng Đ trồng và bảo vệ không còn cây nữa nên Hợp tác xã đã đề nghị ông Đ thanh lý hợp đồng, nhưng ông Đ không đồng ý. Vì vậy, ngày 15/6/2017 Hợp tác xã Nông nghiệp C đã khởi kiện Ông Ngô Quảng Đ. Thời điểm này thì giao dịch dân sự giữa các bên đã được thực hiện xong và phát sinh tranh chấp.

Theo điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết”. Đồng thời, tại điểm a mục 2 Nghị quyết số 45/2005/QH11 của Quốc hội về việc thi hành BLDS năm 2005 nêu rõ: “Giao dịch dân sự đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức

phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự thì áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự”. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự năm 1995 để giải quyết vụ án là không đúng, mà phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Xem xét cách tính thiệt hại làm căn cứ để xác định mức bồi thường của Tòa án cấp sơ thẩm; HĐXX phúc thẩm thấy rằng: Số cây được trồng theo hợp đồng đã ký kết giữa các bên hiện tại không còn, nên giá thị trường của rừng tràm cần căn cứ vào giá tại thời điểm thanh lý và theo cùng loại trên thị trường. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại căn cứ vào việc thanh lý hợp đồng bán rừng của 02 chu kỳ, cụ thể: Chu kỳ 1 Hợp tác xã ký hợp đồng giao khoán, bảo vệ rừng với các tổ của ông Nguyễn Th, Nguyễn Đ, Nguyễn H, Ngô Sỹ T (cùng thời điểm Hợp tác xã ký hợp đồng với Ông Ngô Quảng Đ) và chu kỳ 2 Hợp tác xã ký hợp đồng với ông Ngô Sỹ T (từ năm 2012 đến năm 2017) để làm căn cứ xác định thiệt hại. Theo hợp đồng mua bán rừng ngày 06/8/2012 và biên bản thanh lý hợp đồng bán rừng ngày 13/11/2012 thì chu kỳ 1 đã thanh lý với tổng số tiền 239.000.000 đồng/14ha, tức là 17.071.000 đồng/ha. Căn cứ vào hợp đồng mua bán rừng ngày 08/6/2017 thanh lý từ việc tĩa thừa của chu kỳ 2 với số tiền 171.320.000 đồng/14,7 ha, tức là 11.654.000 đồng/ha và thanh lý toàn bộ do bão số 4 với số tiền 401.000.000 đồng/14,7 ha, tức là 27.279.000 đồng/ha. Như vậy, Tổng số tiền thiệt hại trên 01 ha là 56.004.000 đồng, diện tích ông Đ bảo vệ 2,355ha x 56.004.000 đồng/ha = 131.889.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền ông Đ được hưởng là 30% (39.567.000 đồng) và 04 lần bị khai thác trái phép trị giá 9.080.000 đồng, còn lại buộc ông Đ phải bồi thường số tiền 83.242.000 đồng. Việc xác định mức bồi thường như trên của Tòa án cấp sơ thẩm là không có cơ sở, tại Điều III của hợp đồng số 04/HTX thể hiện: “Thời gian giao khoán bảo vệ theo chu kỳ sinh trưởng và phát triển của rừng kể từ ngày ký” chứ không nêu rõ một chu kỳ là bao nhiêu năm, đến thời điểm năm 2014 thì cây trồng bị khai thác hết và đến tháng 12/2014 Hợp tác xã yêu cầu ông Đ thanh lý hợp đồng. Như vậy, cây trồng trên diện tích rừng giao khoán cho ông Đ từ năm 2005 đến năm 2014 là cây gần 10 năm tuổi. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị thiệt hại bằng cách lấy giá thanh lý rừng của 02 chu kỳ nói trên cộng lại thành giá áp dụng cho cây gần 10 năm tuổi là không chính xác. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ để xác định trên diện tích Hợp tác xã Nông nghiệp C ký hợp đồng giao khoán với Ông Ngô Quảng Đ có còn cây trồng hay không và không thành lập hội đồng định giá để xác định giá trị cụ thể của rừng trồng được quy định tại Điều 104 của BLTTDS.

[5] Năm 2012, Hợp tác xã Nông nghiệp C đã định giá rừng của các tổ bảo vệ đưa ra đấu giá, thì diện tích rừng ông Đ được giao khoán bảo vệ, trồng mới là 2,355 ha có giá là 13.000.000 đồng. Sau đó, do không bán được nên Hợp tác xã quyết định giữ lại, nhưng hiện nay Hợp tác xã yêu cầu ông Đ bồi thường thiệt hại với số tiền 100.000.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ và không tiến hành định giá, cấp sơ thẩm xử buộc ông Đ bồi thường là chưa có căn cứ.

[6] Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chấm dứt hợp đồng, nhưng bản án sơ thẩm đã tuyên hủy hợp đồng là không đúng.

Thấy rằng, việc thu thập chứng cứ và chứng minh của cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của VKSND tỉnh Quảng Trị hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Về án phí: Ông Ngô Quảng Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Ngô Quảng Đ và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, hủy bản án sơ thẩm số 02/2018/DSST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

Ông Ngô Quảng Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, Hoàn trả lại cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001560 ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Q. Trị;
- TAND huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hà

